

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2021/HS-ST

Ngày: 28/12/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chắt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngôn và bà Đinh Thị Ngọc Hạnh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Bà Châu Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 92/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh năm 1986; Tại tỉnh T; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố 4, phường T, thành phố Đ, tỉnh B; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956 và bà Trương Thị Q, sinh năm 1956; Bị cáo có vợ tên Đỗ Thị Y, sinh năm 1988 và 01 người con sinh năm 2012; Tiền án: 01 (Ngày 08/3/2017 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B xử phạt 30.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/5/2020 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1986; Nơi cư trú: ấp 3, xã Tiên H, thành phố Đồng X, tỉnh Bình P (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1988; Nơi cư trú: khu phố 4, phường Tân Đ, thành phố Đ, tỉnh B (có mặt).

+ Bà Đinh Thị Kim H, sinh năm 1991; Nơi cư trú: ấp 3, xã Tiên H, thành phố Đ, tỉnh B (vắng mặt).

+ Ông Phạm Ngọc V, sinh năm 1985 (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Cùng trú tại: khu phố B, phường T, thành phố Đ, tỉnh B.

+ Văn phòng công chứng Hoàng Kim V; Địa chỉ: phường T, thành phố Đ, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Lê L, sinh năm 1959; Chức vụ: Trưởng văn phòng (vắng mặt).

+ Văn phòng công chứng số 01 tỉnh Bình P; Địa chỉ: phường T, thành phố Đ, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Thế Q; Chức vụ: Trưởng phòng (vắng mặt).

+ Văn phòng công chứng Bình Phước; Địa chỉ: phường T, thành phố Đ, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh H; Chức vụ: Trưởng phòng (vắng mặt).

+ Ông Trần Đức H, sinh năm 1986; Nơi cư trú: khu phố 1, phường T, thành phố Đ, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2017, do thiếu vốn trong việc làm ăn, kinh doanh nên Nguyễn Văn L có hỏi vay tiền của anh Nguyễn Văn M, anh M đồng ý nhưng yêu cầu phải có tài sản thế chấp để làm tin. Do không có tài sản thế chấp nên L nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là giấy CNQSDĐ) của thửa đất số 300, tờ bản đồ số 09, diện tích 357,6 m², tọa lạc tại khu phố 4, phường T, thành phố Đồng X theo giấy CNQSDĐ số: CG436598 (gọi tắt là giấy CNQSDĐ số CG436598 hoặc thửa đất số 300) do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 16/3/2017 cho gia đình L (hiện đang được vợ chồng L thế chấp vay tiền tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Thuận Lợi) để thế chấp cho anh M. Sau đó L tìm hiểu trên mạng Internet và thuê một đối tượng (không rõ nhân thân) làm giả giấy CNQSDĐ số CG436598 với giá 500.000đồng. Ngày 21/7/2017, L sử dụng giấy CNQSDĐ giả trên ký công chứng thế chấp vay của anh M số tiền 200.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 2,5%/tháng. L đã trả lãi suất cho anh M từ khi vay tiền đến tháng 12/2017.

Ngày 26/6/2018, do L không trả được số tiền gốc, tiền lãi đã vay nên L đã ủy quyền cho anh M được quyền sử dụng, chuyển nhượng, mua bán, cho thuê,...thửa đất số 300 cho anh M. Hợp đồng ủy quyền được L ký công chứng tại Văn phòng công chứng B thuộc phường T, thành phố Đ.

Ngày 14/9/2018, anh M đã làm hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 300 mà L đã ủy quyền cho anh M trước đó cho anh Phạm Ngọc V cùng vợ là Nguyễn Thị Kim T với giá chuyển nhượng là 700.000.000đồng.

Ngày 18/9/2018, anh V đến chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ để làm thủ tục sang tên giấy CNQSDĐ số CG436598 của thửa đất số 300 thì bị chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ phát hiện giấy CNQSDĐ số CG436598 có dấu hiệu làm

giả nên đã bàn giao hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Xoài giải quyết theo thẩm quyền

Tại kết luận giám định số 389/2018/G0-KTHS ngày 25/12/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước đã kết luận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà L đã dùng thế chấp, sau đó ủy quyền cho anh Mạnh để vay số tiền 200.000.000 đồng là giả.

Tại Bản cáo trạng số 100/CT-VKS ngày 15/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội danh thành hình phạt chung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 100/CT-VKS ngày 15/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận điều tra, cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do kinh doanh thua lỗ, muốn có tiền để kinh doanh nên tháng 7/2021 bị cáo L đã lên

mạng liên hệ và thuê đối tượng không rõ nhân thân lai lịch làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG436598 của thửa đất số 300, tờ bản đồ số 09, diện tích 357,6m² tọa lạc tại khu phố 4, phường T, thành phố Đ, tỉnh B, sau đó sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thế chấp, ủy quyền để vay tiền và chiếm đoạt của anh M số tiền 200.000.000 đồng.

[3] Căn cứ vào hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 200.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài đã truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào hành vi thuê đối tượng không rõ nhân thân lai lịch làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG436598 của thửa đất số 300, tờ bản đồ số 09, diện tích 357,6m² tọa lạc tại khu phố 4, phường T, thành phố Đ, tỉnh B, sau đó sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thế chấp và ủy quyền để chiếm đoạt tài sản của anh M số tiền 200.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài truy tố bị cáo về các tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật

[4] Bị cáo là người đã thành niên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi thuê người làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG436598 của thửa đất số 300, tờ bản đồ số 09, diện tích 357,6m² tọa lạc tại khu phố 4, phường T, thành phố Đ, tỉnh B trong khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này bị cáo đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Thuận Lợi, để thế chấp và ủy quyền cho anh Mạnh vay tiền và chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng là hành vi phạm tội nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại và xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước là khách thể được pháp luật bảo vệ. Vì vậy cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ như sau: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại, bị cáo có con nhỏ và là lao động chính trong gia đình, bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra Công an thành phố Đồng Xoài trong việc phát hiện tội phạm. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Do bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có thu nhập ổn định và đang nuôi con nhỏ nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho ông Nguyễn Văn M toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng, tại phiên tòa ông M cũng thừa nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về vật chứng:

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG436598 trên góc phải có ghi chữ và đóng mộc PC 09 Bình Phước số 389 năm 2018 là phương tiện để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần lưu theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 USB màu xanh, hiệu SanDisk, dung lượng 8GH, đựng trong phong bì màu trắng, tại vị trí giáp lai có chữ ký ghi họ tên Bùi Văn T và Nguyễn Văn Đ và hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần lưu theo hồ sơ vụ án.

[11] Quá trình điều tra còn xác định Long còn có dấu hiệu làm giả một số giấy CNQSDĐ khác để sử dụng thế chấp, ủy quyền cho một số cá nhân vay tiền và được công chứng tại các Văn phòng công chứng T thuộc thị xã P, tỉnh B; Văn phòng công chứng Nguyễn Viết H thuộc huyện Đông P, tỉnh B, tuy nhiên số tiền L vay của những người này đã trả xong trước khi vụ án bị phát hiện, mặt khác quá trình điều tra không thu giữ được giấy CNQSDĐ giả bản chính nên không có căn cứ giám định để xử lý.

[12] Đối với Đỗ Thị Y (vợ bị cáo L) ký ghi rõ họ tên vào hợp vay tiền có thế chấp QSDĐ ngày 21/7/2017 giữa Nguyễn Văn L, Đỗ Thị Y với Nguyễn Văn M để vay số tiền 200.000.000 đồng, quá trình điều tra Y khai không biết việc L làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đó không đủ căn cứ để xử lý Y có vai trò đồng phạm với Nguyễn Văn L về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 341 và Điều 174 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Đối với đối tượng đã làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị L hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Xoài tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xử lý trong vụ án này.

[14] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L **03 (Ba) năm tù** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và **02 (Hai) năm tù** về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội danh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **05 (Năm) năm tù**.

Thời hạn tù được tính từ ngày 20/5/2020.

3. Về vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Lưu theo hồ sơ vụ án 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG436598 trên góc phải có ghi chữ và đóng mộc PC 09 Bình Phước số 389 năm 2018 và 01 USB màu xanh, hiệu SanDisk, dung lượng 8GH, đựng trong phong bì màu trắng, tại vị trí giáp lai có chữ ký ghi họ tên Bùi Văn T và Nguyễn Văn Đ và hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B.

(Vật chứng thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số 0001841 ngày 06/10/2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đ).

4. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đồng Xoài;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đồng Xoài;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đồng Xoài;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Chất